



VIETFUND  
MANAGEMENT

# ĐIỂM TIN THÁNG 12.2014

Được phát hành vào ngày 15/01/2015



# MỤC LỤC

## **Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Tháng 12/2014**

Kinh tế vĩ mô

Thị trường chứng khoán

## **Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ**

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

## **KHUYẾN CÁO**

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

# KINH TẾ VĨ MÔ

## TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO HƠN MONG ĐỢI

Tăng trưởng kinh tế kết thúc năm 2014 khá ấn tượng ở mức 5,98% cao hơn mức 5,4% của 2013 và 5% của 2012 nhờ vào sự đi lên mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp và đóng góp mạnh hơn của khu vực nông nghiệp. Theo đó, nhu cầu ổn định từ các thị trường xuất khẩu và sự tăng nhẹ của nhu cầu trong nước đã giúp công nghiệp và xây dựng mở rộng 7,15% với việc hoạt động sản xuất luôn mở rộng trong 16 tháng liên tục và chỉ số sản xuất công nghiệp ở mức cao nhất từ 2009. Sự gia tăng của xuất khẩu tôm cá đã đẩy mạnh phần đóng góp của khu vực nông nghiệp vào tăng trưởng GDP khi tăng 3,5% so với 2,7% trong 2013. Khu vực dịch vụ gây thất vọng khi tăng chậm lại ở mức 5,9% sau khi tăng 6,5% trong 2013. Chính phủ mong đợi mức tăng 6,2% cho năm sau nhưng nền tảng phục hồi hiện nay cho thấy khả năng GDP sẽ tăng cao hơn mức đó.

## MỘT NĂM THÀNH CÔNG CỦA XUẤT KHẨU

Tổng giá trị xuất khẩu đạt 150 tỷ USD trong 2014, tương đương mức tăng 13,6% trong khi nhập khẩu tăng chậm hơn ở 12,1%. Tình hình khả quan này đem lại thặng dư thương mại 2 tỷ USD, là năm thứ ba liên tiếp thặng dư sau một thập kỷ nhập siêu. Khu vực FDI tiếp tục đóng góp phần lớn vào xuất khẩu, chiếm khoảng 67,7%. Khu vực này đạt mức tăng 15,2% khi khu vực trong nước theo sau với mức tăng cải thiện hơn, 10,4%, mức cao nhất kể từ 2012.

Với nhu cầu vẫn mạnh từ các thị trường xuất khẩu và cải thiện về năng lực cạnh tranh, Việt Nam sẽ tiếp tục có một năm xuất khẩu tốt trong 2015 với mức tăng dự báo 14%, tiếp tục đem về thặng dư thương mại cho năm sau.

## ĐIỀU CHỈNH TỶ GIÁ ĐỂ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU

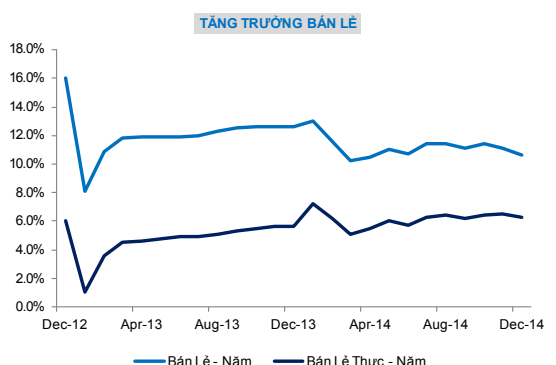
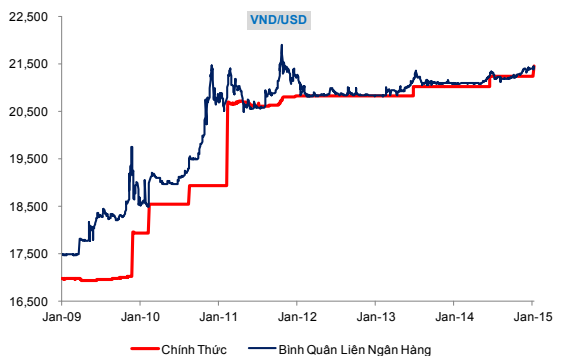
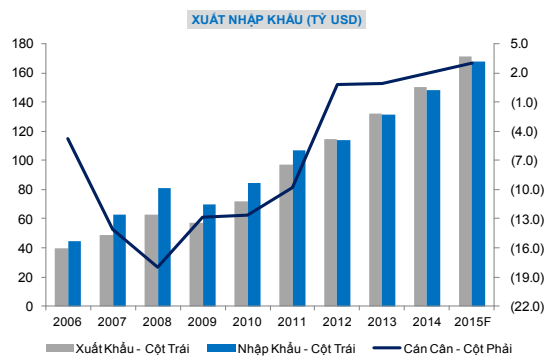
Ngân Hàng Nhà Nước trong tháng Một 2015 quyết định điều chỉnh tăng tỷ giá VND/USD thêm 1% lên 21.458 sau khi để VND mất giá khoảng 1,3% so với USD trong 2014. Tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Mỹ và triển vọng tăng lãi suất USD đã đẩy giá USD lên mạnh so với nhiều đồng tiền chính, tăng áp lực lên đồng VND. Tuy nhiên, các yếu tố cơ bản tốt trong nước vẫn tiếp tục ủng hộ sự ổn định của VND trong 2015 và do đó, điều chỉnh này có vẻ hướng về kỹ thuật nhằm tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu trong thời gian tới.

Ngân Hàng Nhà Nước sẽ điều hành theo hướng duy trì sự mất giá khoảng 2% cho VND trong 2015. Với cán cân thanh toán thặng dư và dự trữ ngoại hối ở mức cao 42 tỷ USD, ngân hàng trung ương có khả năng duy trì mức ổn định này. Tuy nhiên, sự tăng giá của USD và khả năng Fed tăng lãi suất trong nửa cuối 2015 sẽ có thể làm VND mất giá cao hơn 2%.

## NHU CẦU TRONG NƯỚC KHỞI SẮC

Bán lẻ hàng hóa tăng 6,3% trong 2014, cho thấy nhu cầu trong nước vẫn đang yếu. Tuy nhiên, mức tăng cao hơn so với 5,6% cho thấy xu hướng của bán lẻ hàng hóa là tích cực. Khu vực tư nhân trong nước và khu vực FDI dẫn đầu sự phục hồi của bán lẻ, đóng góp phần lớn vào tăng trưởng của ngành. Khu vực du lịch hoạt động tốt trong khi bán lẻ ô-tô có một năm thành công.

Bán lẻ hàng hóa có nền tảng để tiếp tục đà tăng trưởng trong năm 2015 khi chi phí giảm nhờ giá xăng dầu giảm và lạm phát thấp, làm tăng thu nhập của khu vực dân cư. Theo đó, bán lẻ được dự báo tăng khoảng 7% trong năm.



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 12- 2014

## GIÁ DẦU GIẢM MẠNH VÀ THU HẸP CHO VAY BẢO CHỨNG LÀM THỊ TRƯỜNG GIẢM

Tháng cuối cùng của năm 2014 vừa trải qua với diễn biến giao dịch tiêu cực trên diện rộng. Kết thúc tháng 12, VN-Index đóng cửa tại 545,63 điểm, giảm 20,95 điểm, tương đương giảm 3,7% so với cuối tháng 11. Khối lượng giao dịch sụt giảm mạnh, đạt gần 2,33 tỷ cổ phiếu giảm 6,96% so với tháng 11. Giá trị giao dịch đạt gần 38,8 ngàn tỷ đồng giảm 8,03% so với tháng 11-2014.

Sự thiếu vắng thông tin hỗ trợ khiến cho thị trường không có động lực tăng điểm. Diễn biến tiêu cực của giá dầu tiếp tục kéo nhóm cổ phiếu dầu khí như GAS, PVD, PVS, PGS... tiếp tục sụt giảm và kéo theo các chỉ số thị trường tiếp tục lùi sâu.

Đà giảm điểm của thị trường đã khiến cho hoạt động tăng kỳ quỹ tiếp tục xuất hiện trong tháng 12. Áp lực tăng kỳ quỹ bắt đầu từ nhóm cổ phiếu dầu khí sau đó lan tỏa ra toàn thị trường, đã khiến thị trường lao dốc với nhiều phiên giao dịch giảm trên 10 điểm, có phiên giảm gần 17 điểm. Có nhiều nhận định cũng cho rằng hoạt động tăng kỳ quỹ có liên quan đến các ngân hàng đẩy mạnh thu hồi các khoản cho vay cổ phiếu trước khi thông tư 36 có hiệu lực.

Dòng tiền vào thị trường giảm so với tháng trước đó, chủ yếu tập trung vào những cổ phiếu của các nhóm ngành như: chứng khoán, bất động sản, xây dựng, và đặc biệt là sự khởi sắc trong giao dịch của nhóm cổ phiếu ngân hàng, nhóm này đã giúp chỉ số VN-Index tăng 1,24%. Những cổ phiếu giúp VN-Index tăng điểm gồm có: VCB (giúp VN-Index tăng 1,11%), MWG (+0,22%), EIB (+0,2%), MSN (+0,17%), MPC (+0,07%). Ngược lại những cổ phiếu làm VN-Index giảm điểm gồm có GAS (làm VN-Index giảm 2,54%), VNM (-0,37%), BVH (-0,33%), PVD (-0,32%) và HAG (-0,16%).

## NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI QUAY LẠI MUA RÒNG

Trong tháng 12, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục động thái bán ròng về khối lượng nhưng mua ròng về giá trị, đây là tháng thứ 5 bán ròng liên tiếp. Tổng giá trị mua ròng trên sàn HOSE gần 77,6 tỷ đồng, và bán ròng 57,1 tỷ đồng trên sàn HNX. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tác động mạnh lên thị trường khi lực bán tập trung ở một số cổ phiếu dẫn dắt như: STB, KDC, PVD, FLC, MSN... Trên sàn HOSE, những cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng là SSI (mua ròng 587 tỷ đồng), MWG (143 tỷ đồng), IJC (94 tỷ đồng); trong khi bán ròng mạnh các cổ phiếu STB (bán ròng 507 tỷ đồng), HAG (427 tỷ đồng), PVD (104 tỷ đồng).

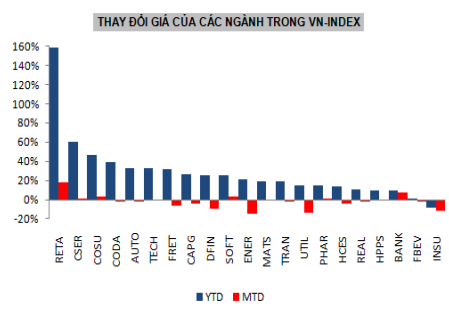
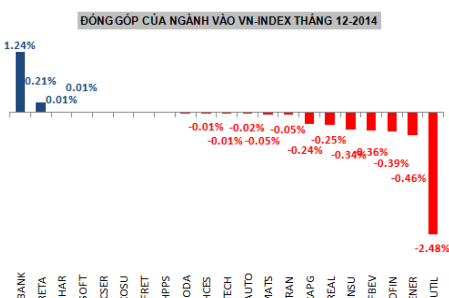
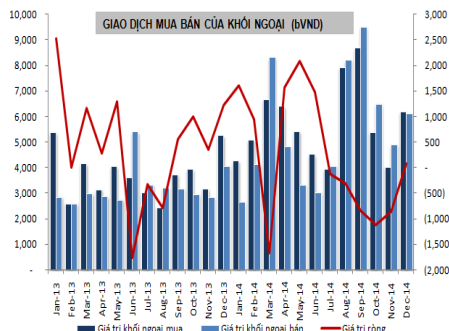
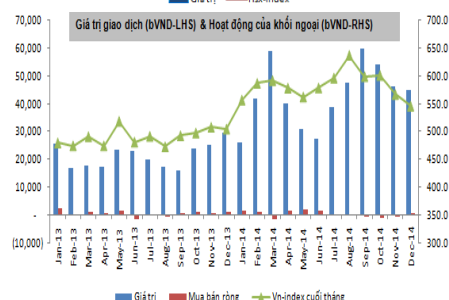
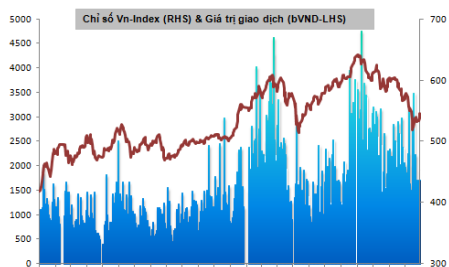
Về hoạt động của 2 quỹ ETFs: tháng 12 là tháng rút vốn mạnh của hai quỹ ETF với giá trị rút vốn lên đến 42,6 triệu USD. Trong tháng vừa qua, 2 quỹ ETF cũng đã tái cơ cấu danh mục định kỳ, do vậy giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài diễn ra sôi động. Theo kết quả được công bố, quỹ FTSE Vietnam ETF mua vào SSI đồng thời loại ra khỏi danh mục STB với tỷ trọng 5,84%, DRC 1,37% và VSH 1,17%. Trong khi đó quỹ Market Vectors Vietnam ETF thêm vào SSI với tỷ trọng 2,1% danh mục.

## THỊ TRƯỜNG THÁNG 1-2015 TRÔNG CHỜ VÀO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4-2014

Kết quả kinh doanh quý 4/2014 nhiều khả năng sẽ khởi sắc, tín hiệu tích cực từ hoạt động tín dụng, chi phí lãi vay điều chỉnh giảm trong thời gian gần đây. Dòng tiền có thể sẽ tập trung vào các cổ phiếu bluechip; với tính chất mùa vụ cuối năm, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tiêu dùng cũng sẽ được hưởng lợi nhiều.

Nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng cũng sẽ là lựa chọn cho mùa vụ cuối năm vì những quý cuối năm thường là thời điểm các doanh nghiệp bất động sản hạch toán các dự án của mình, đẩy mạnh hoạt động bán hàng để hoàn thành kế hoạch. Vì thế những cổ phiếu thuộc các nhóm ngành trên hy vọng sẽ thu hút dòng tiền trên thị trường trong tháng đầu năm 2015.

## BIỂU ĐỒ



# QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Tháng 12 - 2014

## THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTTS, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	877.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	42,231,924.0
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	23,973.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	19,051.0
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	72.1

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

## MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thị trường tháng 12 bao trùm bởi sắc đỏ trên cả 2 sàn bởi giá dầu tiếp tục lao dốc về mức 50 USD/thùng, thông tư 36 giới hạn dư nợ cho vay đầu tư chứng khoán của ngân hàng, khiến VNIndex giảm 3.7%, và HNX-Index giảm 5.1%. Trong danh mục của VF1, các cổ phiếu ngành Tiện ích Công cộng và Năng lượng (GAS, PVD, PVS) bị sụt giảm mạnh, nên dù quỹ đã chủ động thanh toán bớt các cổ phiếu dầu khí này thì danh mục cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Ngược với xu hướng của thị trường, một vài cổ phiếu trong danh mục có tăng trưởng ấn tượng trong tháng như các cổ phiếu hưởng lợi từ tỷ giá đồng ngoại tệ (NT2 +19.4%, HT1 +8%), cổ phiếu ngân hàng với kỳ vọng lợi nhuận của ngành sẽ được cải thiện đáng kể từ việc giảm chi phí trích dự phòng nợ xấu và tái cơ cấu hệ thống (VCB +15%).

Thị trường điều chỉnh cũng là cơ hội để quỹ thực hiện tái cơ cấu lại danh mục đầu tư. Bên cạnh việc thanh toán bớt cổ phiếu dầu khí, quỹ đầu tư thêm vào các ngành Dệt may (+1.9% NAV) và Bất động sản (+1.8% NAV). Trong tháng 12, quỹ cũng đầu tư thêm vào chứng chỉ tiền gửi, đưa tỷ trọng chứng khoán nợ và tiền mặt tại 31/12/2014 đạt 20%.

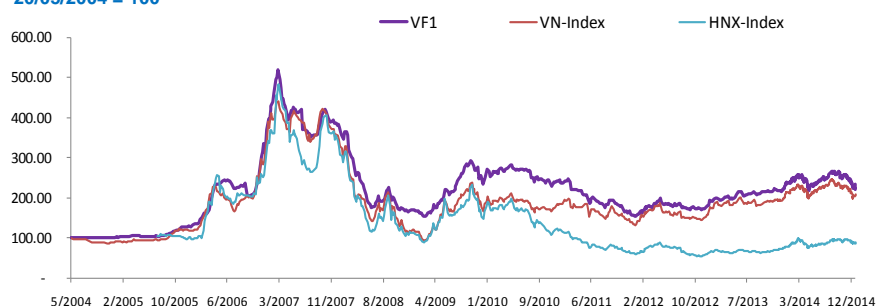
Kết thúc tháng 12, giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ VF1 còn 20,768.8 đồng, sụt giảm 3.9% so với tháng 11. Lũy kế cả năm 2014, VF1 tăng trưởng 9.0%, trong khi VNIndex tăng trưởng 8.1%.

## THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	20,768.8	(3.9)	(9.7)	9.0	9.0	107.7
VN-Index	545.6	(3.7)	(8.9)	8.1	8.1	108.6
HNX-Index	83.0	(5.1)	(6.4)	22.3	22.3	n/a

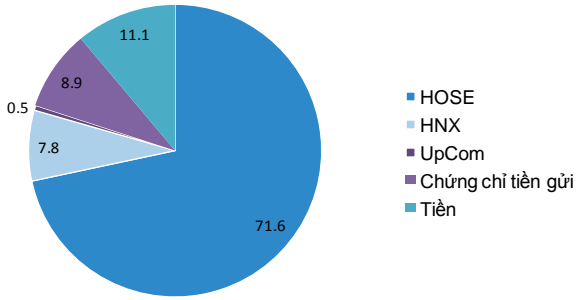
## TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



(Đường tăng trưởng của VF1 bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư)

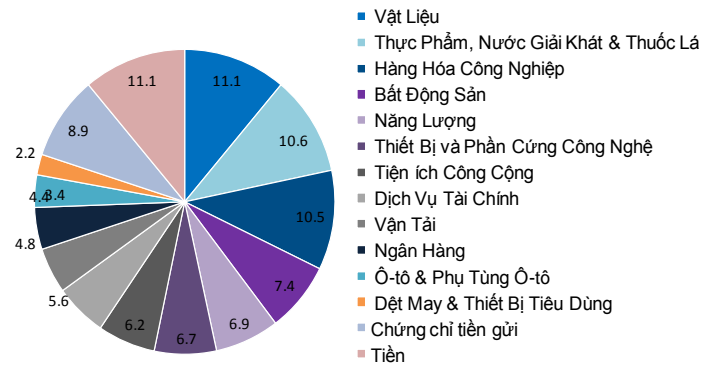
## CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



## 5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
HPG	Vật Liệu	HOSE	7.6
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.7
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	6.2
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	5.4
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	5.3

## CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



## ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	10.6	10.0
P/E	10.6	13.3
P/B trung vị	1.9	1.0
P/B	1.7	1.8
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	20.1	13.6
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	4.0	4.3
Số lượng cổ phiếu	29	306

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

## CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

## CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	1.0	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	19.7	17.5
Hệ số Sharpe	0.2	0.2

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

### THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VNĐ
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG - Tp.HCM
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Tư hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	356.4
Số lượng CCQ đang lưu hành	39,701,792.4
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,901.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,457.7
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	91.8

### MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thị trường tháng 12 tiếp tục chuỗi giảm điểm với tác động mạnh từ diễn biến bất thường của giá dầu và sức ép bán rông của 2 quỹ ETF nước ngoài. Thị trường chỉ bắt đầu hồi phục trở lại một cách dè dặt vào những ngày cuối cùng của năm nhưng cũng chưa bù lại được số điểm đã mất trong tháng 12. Không nằm ngoài sức ảnh hưởng của thị trường, NAV/ccq của VF4 bị sụt giảm 5,6% trong tháng, đặc biệt từ các cổ phiếu liên quan đến Dầu khí như GAS, PVD, PVS. VF4 tuy đã giảm tỷ trọng của các cổ phiếu này để giảm mức độ tác động nhưng đã bán tháo có phần theo tâm lý đám đông vẫn khiến NAV chịu tác động không nhỏ. Chúng tôi tin tưởng rằng đây chỉ là phản ứng tiêu cực ngắn hạn của thị trường đẩy giá cổ phiếu xuống đến mức thấp hơn giá trị cơ bản và là cơ hội cho tăng trưởng trong năm sau.

Điểm sáng trong tháng 12 là các cổ phiếu thuộc khối ngân hàng (VCB +15%) với kỳ vọng lợi nhuận của ngành sẽ được cải thiện đáng kể từ việc giảm chi phí trích dự phòng cho NPL và tái cơ cấu hệ thống, các cổ phiếu hưởng lợi từ giảm tỷ giá đồng ngoại tệ liên quan đến các khoản dư nợ bằng EUR (NT2: +19%, HT1: +8%, PPC: +8,4%); và các cổ phiếu hưởng lợi từ giá dầu giảm (DPM +5,5%)

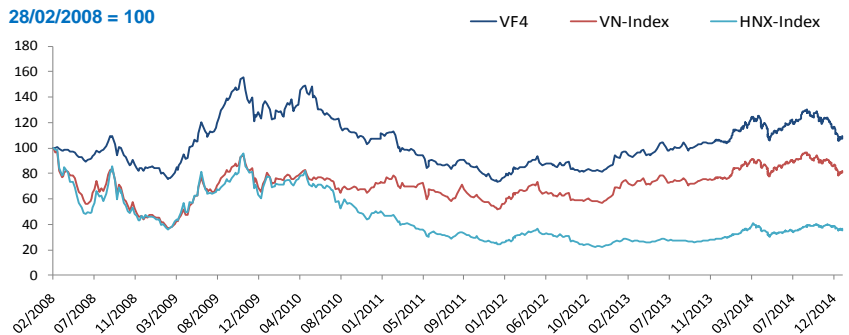
### THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
<b>VFMVF4</b>	8,976.7	(5.6)	(13.8)	6.1	6.1	9.8 (*)
<b>VN-Index</b>	545.6	(3.7)	(8.9)	8.1	8.1	(17.7)
<b>HNX-Index</b>	83.0	(5.1)	(6.4)	22.3	22.3	(63.6)

(\*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

### TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

28/02/2008 = 100

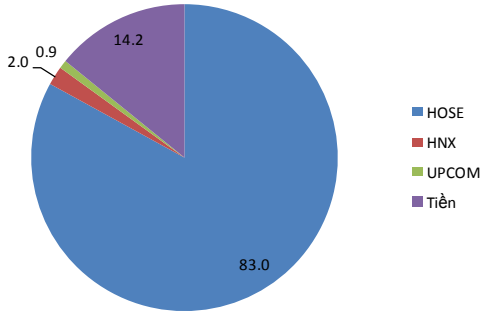


Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

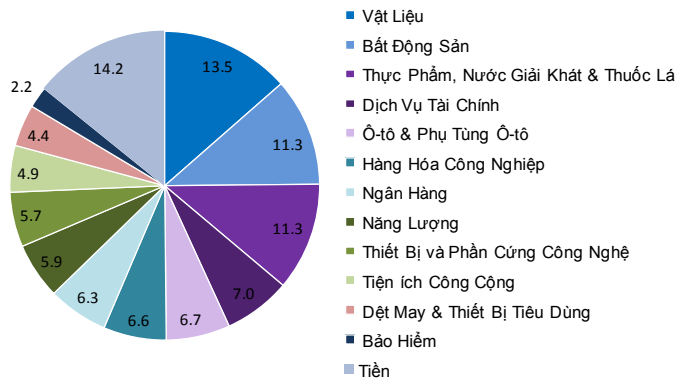
## CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



## 5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
HPG	Vật Liệu	HOSE	8.9
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	8.5
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	6.0
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	5.7
PVD	Năng Lượng	HOSE	5.0

## CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



## ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	13.5	10.0
P/E bình quân gia quyền	11.7	13.3
P/B trung vị	1.8	1.0
P/B bình quân gia quyền	2.0	1.8
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	20.4	13.6
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.5	4.3
Số lượng cổ phiếu	26	306

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

## CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

## CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	1.1	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	19.9	17.5
Hệ số Sharpe	0.1	0.2

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



# QUỸ ĐẦU TƯ VFA

Tháng 12-2014

## THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/4/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	HSBC Việt Nam
Đại lý chuyển nhượng	HSBC Việt Nam
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPT
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	86.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	11,885,261.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,901.8
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	7,217.5
Tỷ lệ chi phí (%)	2.7
Vòng quay tài sản (%)	149.7

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

## MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

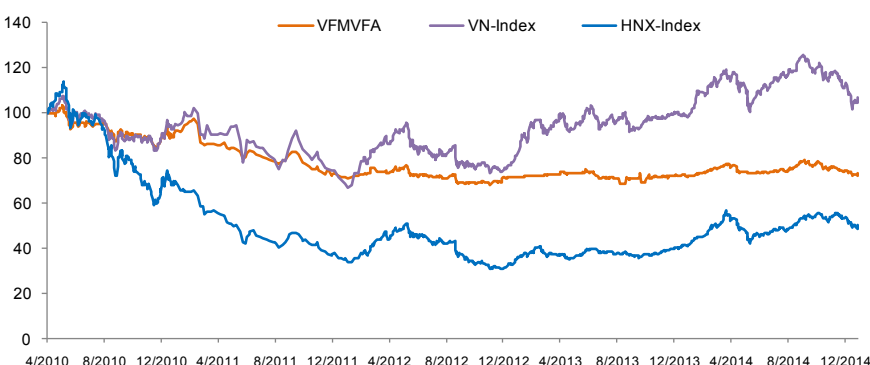
Trong tháng 12 năm 2014 thị trường cổ phiếu Việt Nam vẫn tiếp tục giảm rất mạnh khi mà VN-Index giảm 3.7% xuống mức 545.6 điểm còn HNX-Index giảm đến 5.1% xuống 83.0 điểm. Trong cùng thời điểm chỉ số VN30-Index giảm với mức 1.6%. Kết thúc năm 2014, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,314.2 đồng/ccq, giảm 1.2% so với tháng trước và tăng 1.3% so với đầu năm.

Trong tháng 12/2014, các chiến lược đầu tư của Quỹ đều có tín hiệu giảm mức đầu tư trên cổ phiếu nên cơ cấu tài sản của Quỹ thay đổi đáng kể khi tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HOSE giảm về 31.9% NAV và còn lại 68.1% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn. Trong tháng, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ theo chiến lược không có thay đổi nhiều so với tháng trước khi chiến lược MATF trên cổ phiếu chiếm 29.1% NAV, chiến lược Chọn lọc tín hiệu chiếm 29.9% NAV, chiến lược HVTF1.0 chiếm 10.7% NAV và chiến lược HVTF1.1 chiếm 30.3% NAV.

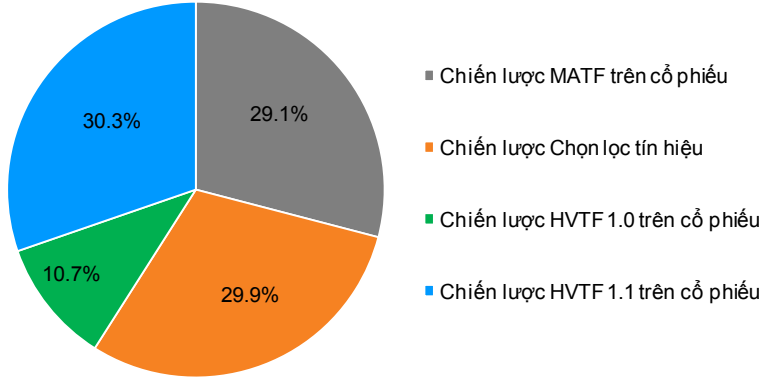
## THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Luỹ kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
		1 tháng	3 tháng	Luỹ kế từ đầu năm	Luỹ kế 12 tháng	
VFMVFA	7,314.2	(1.2)	(4.6)	1.3	1.3	(26.9)
VN-Index	545.6	(3.7)	(8.9)	8.1	8.1	6.9
HNX-Index	83.0	(5.1)	(6.4)	22.3	22.3	(49.4)
VN30-Index	601.7	(1.6)	(6.6)	6.8	6.8	12.6

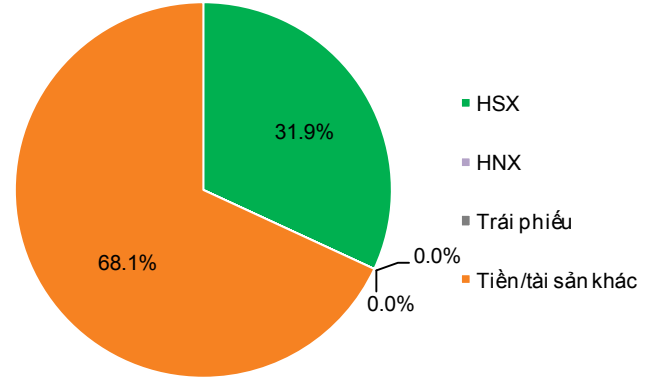
## TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX 02/04/2010 = 100



## CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



## CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



## CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.1	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	7.3	17.5
Hệ số Sharpe	-0.5	0.2

## CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

### THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý chuyển nhượng	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	85.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	7,175,245.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	11,983.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	10,256.1
Vòng quay tài sản trong năm (%)	240.9

**Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư**

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

#### Ghi chú

(\*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên, NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

(\*\*) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital.

### MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thị trường trái phiếu chính phủ tiếp tục chứng kiến biến động tăng của lãi suất trái phiếu trên tất cả các kỳ hạn trong suốt tháng 12/2014 trước khi có sự điều chỉnh giảm nhẹ đối với lãi suất các kỳ hạn dưới 3 năm trong những ngày cuối cùng của năm. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn ngắn (1 năm và 2 năm) có mức tăng cao nhất lên tới 44 điểm cơ bản trong tháng 12. Thanh khoản thị trường đạt mức cao nhất trong tháng 12 với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 4.131 tỷ, tăng 13% so với tháng 11. Thị trường sơ cấp trong tháng 12 giao dịch chủ yếu ở kỳ hạn 3 năm và 5 năm. Các đợt phát hành sơ cấp trái phiếu chính phủ 10 năm và 15 năm đã không nhận được sự quan tâm từ thị trường do sự khác biệt về lãi suất kỳ vọng của bên mua với lãi suất phát hành thành công và giá trị trúng thầu rất hạn chế.

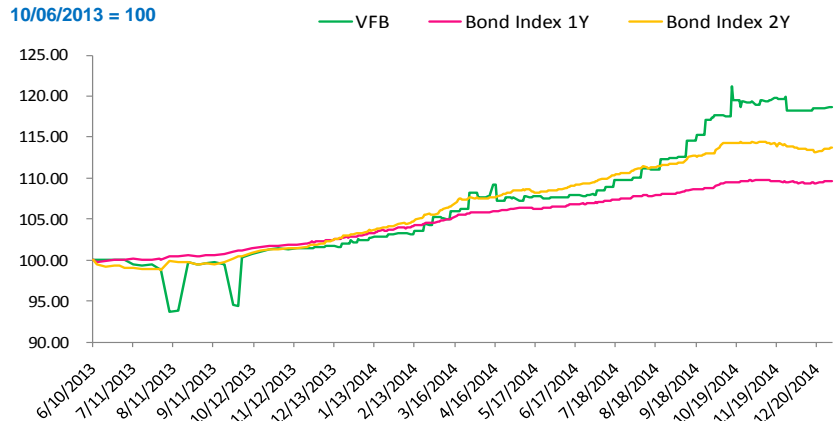
NAV/CCQ của Quỹ VFMVFB kết thúc tháng 12 tăng được 0,33% so với tháng 11 và cả năm 2014 tăng trưởng 15,74%. Mức tăng trưởng từ thời điểm bắt đầu hoạt động (ngày 10 tháng 6/2013) tới 31/12/2014 là 18,66%. Các mức tăng trưởng này cao hơn so với tăng trưởng của chỉ số tham chiếu. Kết quả đã đạt được xuất phát từ chiến lược đầu tư chủ động của quỹ, sự tích cực trong giao dịch để tìm kiếm lợi nhuận từ biến động giá trái phiếu. Trong tháng 12, Quỹ VFMVFB đã thực hiện các khoản đầu tư vào TPCP và chứng chỉ tiền gửi, giảm tỉ trọng tiền của quỹ xuống mức 5,66% giá trị tài sản ròng của quỹ so với mức 86,82% vào thời điểm cuối tháng 11. Quỹ sẽ duy trì tỉ lệ tiền mặt thấp trong giai đoạn tới và tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu chính phủ trong năm 2015.

### THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

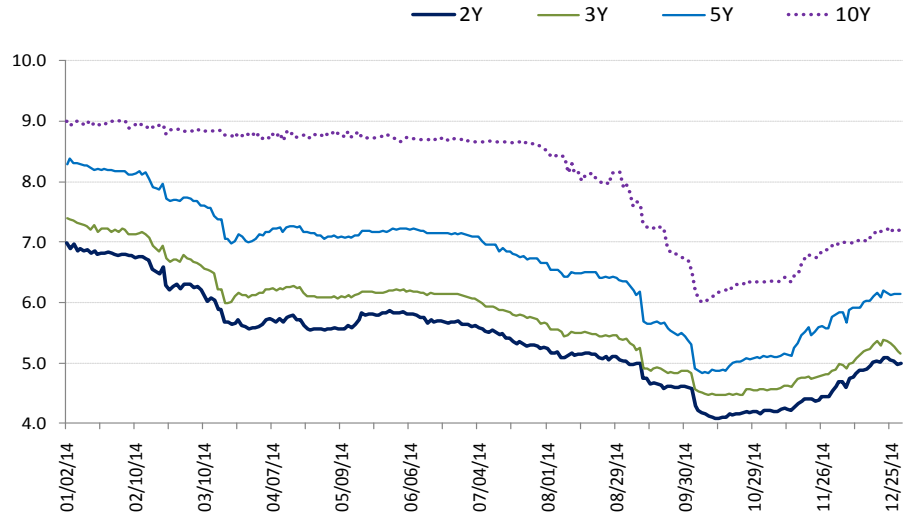
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	11,866.4	0.3	1.1	15.7	18.7
Bond-Index 1 năm	197.0	0.1	0.8	6.5	9.7
Bond-Index 2 năm	211.6	(0.1)	0.7	10.2	13.8

### TĂNG TRƯỞNG NAV (\*) SO VỚI BOND\_INDEX (\*\*)

10/06/2013 = 100



## BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT CÁC KỲ HẠN CỦA TPCP Năm 2014



## CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Trái phiếu và giấy tờ có giá	≥ 80% TSR
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	≤ 30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	≤ 20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	≤ 10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	≤ 10% TTS
Trái phiếu và CKPS bởi tổ chức phát hành tại VN	≤ 30% TTS

(TSR: Tổng giá trị tài sản ròng; TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ)

GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành;

ĐKGD: Đăng ký giao dịch; CKPS: Chứng khoán phải sinh)

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

# ETF VFMVN30

Tháng 12 - 2014

## THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFN30
Mã trên Bloomberg	E1VFN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VNĐ
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC, TVSI, ACBS
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	Hàng ngày
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	188.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	20,200,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,254.5
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,828.2
Tỷ lệ chi phí bình quân năm (%)	1.41
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	0.32

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

## MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

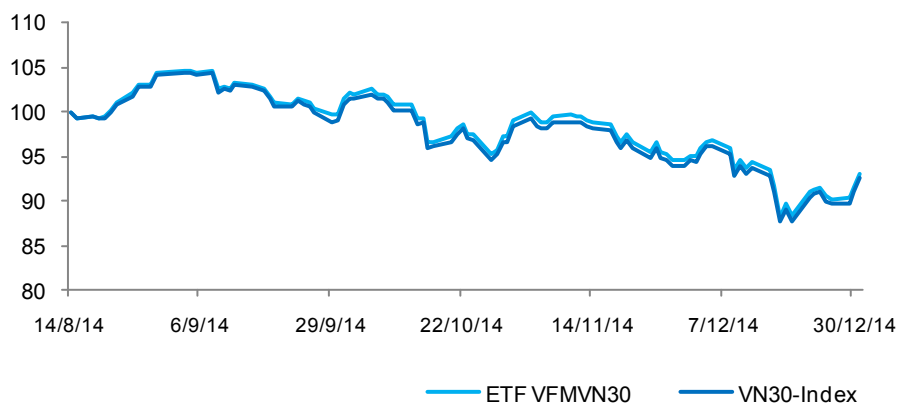
Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

## THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

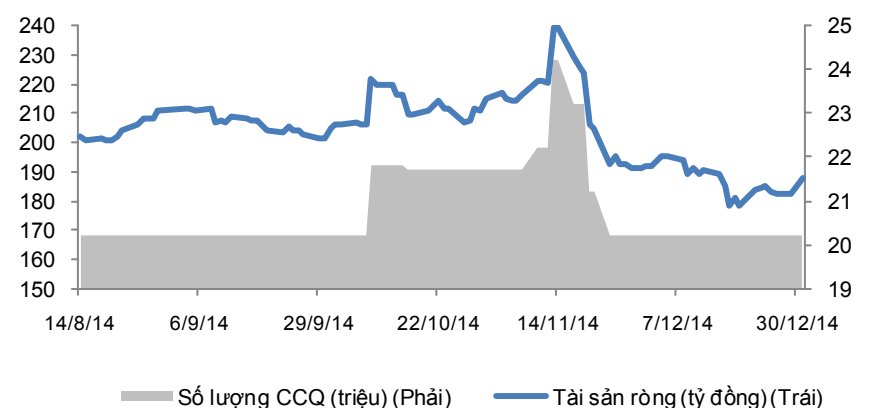
	NAVCCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Luỹ kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Luỹ kế từ đầu năm	Luỹ kế 12 tháng	
ETF VFMVN30	9,311.8	(1.6)	(6.7)	NaN	NaN	(6.9)
VN30-Index	601.7	(1.6)	(6.6)	6.8	6.8	(7.4)

## NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

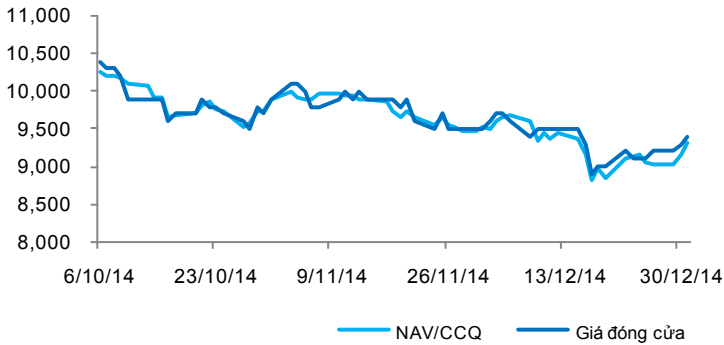
14/08/2014 = 100



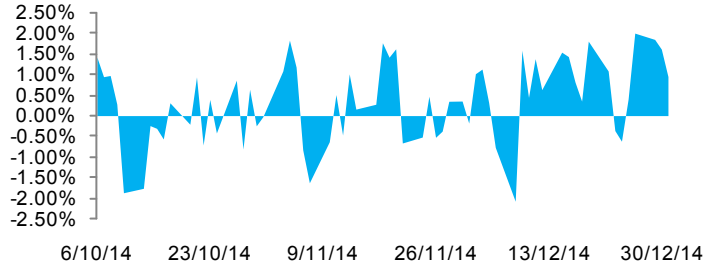
## TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



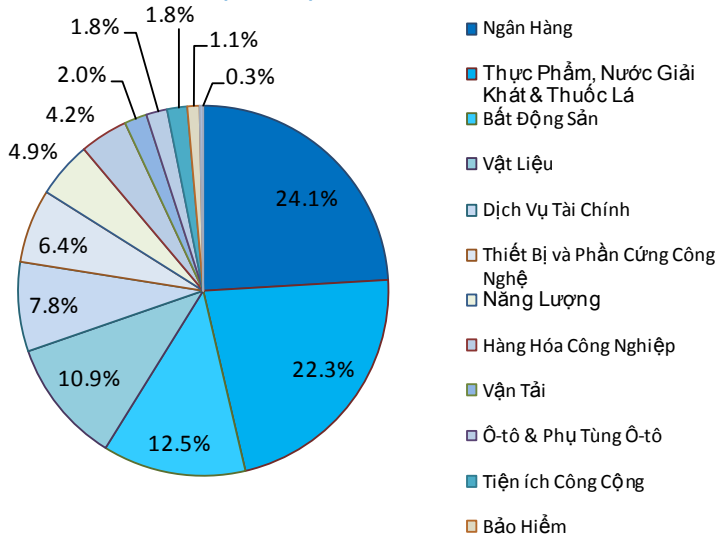
## NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



## MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



## PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



## CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	3.5
Hệ số P/E	12.3
Hệ số P/B	1.7
Số lượng cổ phiếu	30

## CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	0.9
Độ biến động bình quân năm (%)	16.3
Tỷ lệ Sharpe	NA

## DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VIC	434,300	20.7	11.0%	30.7%	DPM	139,380	4.3	2.3%	47.8%
MSN	214,120	17.8	9.4%	70.7%	FLC	256,540	2.8	1.5%	26.9%
VNM	179,780	17.2	9.1%	100.0%	GMD	90,900	2.6	1.4%	100.0%
STB	836,280	15.1	8.0%	27.6%	ITA	327,240	2.6	1.4%	31.0%
HPG	264,620	14.0	7.5%	88.1%	PPC	86,860	2.3	1.2%	34.3%
FPT	252,500	12.1	6.4%	100.0%	DRC	38,380	2.1	1.1%	76.6%
EIB	787,800	10.1	5.4%	88.3%	HSG	44,440	2.1	1.1%	90.8%
PVD	125,240	8.1	4.3%	85.0%	BVH	62,620	2.0	1.1%	49.6%
VCB	244,420	7.8	4.1%	69.0%	HCM	46,460	1.4	0.8%	100.0%
MBB	581,760	7.6	4.1%	100.0%	CSM	30,300	1.3	0.7%	53.8%
HAG	325,220	7.2	3.8%	58.8%	PVT	82,820	1.2	0.6%	22.5%
KDC	139,380	7.0	3.7%	67.9%	CII	52,520	1.1	0.6%	100.0%
SSI	191,900	5.3	2.8%	73.9%	VSH	74,740	1.0	0.5%	53.1%
CTG	341,380	4.7	2.5%	95.9%	IJC	62,620	0.8	0.4%	22.7%
REE	157,560	4.4	2.4%	98.7%	OGC	109,080	0.8	0.4%	22.7%

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



**VIETFUND**  
MANAGEMENT

**HEAD OFFICE**

Suite 1701-04, 17th Floor, Melinh Point Tower  
2, Ngo Duc Ke, District 1, HCMC  
Tel: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489  
Hotline. +84 8 3825 1480

**BRANCH OFFICE IN HA NOI**

Room 5A2, Level 5A, BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai Street  
Hoan Kiem District, Hanoi  
Tel: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

[www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)